

Số: *2568* /LĐTBXH-KHTC
V/v: Xây dựng dự toán ngân sách nhà
nước năm 2016 (Vốn sự nghiệp)

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2015

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ

Thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; Thông tư số 102/2015/TT-BTC ngày 30/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2016, Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN và công văn số 3686/BKHĐT-TH ngày 11/6/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016, Bộ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2015:

1. Căn cứ đánh giá nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2015:

- Dự toán thu, chi các nguồn kinh phí được giao tại Quyết định 188/QĐ-LĐTBXH ngày 30/01/2015 và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

- Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

- Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính – NSNN năm 2015;

Thông tư số 211/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước năm 2015;

- Và các công văn hướng dẫn của Bộ: số 593/LĐTBXH –KHTC ngày 10/02/2015 về hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2015; số 1765/LĐTBXH-KHTC ngày 15/5/2015 về xác định số tạm giữ 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước 8 tháng cuối năm 2015.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2015:

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN:

Đối với các đơn vị được giao dự toán thu cần có biện pháp cụ thể để phấn đấu thu đạt và vượt chỉ tiêu được giao; trong trường hợp khó khăn, không thực hiện được phải báo cáo phân tích rõ nguyên nhân để tổng hợp đề nghị điều chỉnh dự toán giao thu ngân sách.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

- Đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2015 (triển khai phân bổ, giao, phê duyệt và thực hiện dự toán,...) theo từng lĩnh vực chi được giao trong năm 2015.

- Báo cáo kết quả xác định số tạm giữ lại chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 theo Chỉ thị số 06/CT-TTg, công văn số 5652/BTC-NSNN ngày 27/4/2015 của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Bộ tại công văn số 1765/LĐTBXH-KHTC.

- Đánh giá kết quả thực hiện cắt, giảm kinh phí đã giao trong dự toán của đơn vị nhưng đến 30/6/2015 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, chưa tổ chức đấu thầu theo yêu cầu tại công văn số 3692/BTC-HCSN ngày 20/3/2015 của Bộ Tài chính về việc thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2015 theo Nghị quyết 01/NQ-CP và công văn số 1493/LĐTBXH-KHTC ngày 25/4/2015 của Bộ.

- Các chỉ tiêu, nhiệm vụ chi các chương trình, dự án trong nước và quốc tế, chi cho công việc sửa chữa, mua sắm tài sản, nghiên cứu khoa học... cần sớm hoàn tất thủ tục đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

- Các nhiệm vụ chi xét thấy không thể hoàn thành kiên quyết điều chỉnh để tăng cường cho các nhiệm vụ khác của đơn vị không để kinh phí tồn đọng chuyển năm sau.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, kiểm tra giám sát chỉ tiêu các nguồn kinh phí trong những tháng còn lại đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Đồng thời triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật phòng chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.3. Đánh giá tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình quốc gia, Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

- Các đơn vị chủ trì các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình quốc gia, Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (sau đây gọi chung là Chương trình, đề án) chủ trì phối hợp với các cơ quan và địa phương chú ý đánh giá, phân tích kỹ: (i) Tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi các chương trình, đề án năm 2015; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong triển khai. (ii) Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện các Chương trình, đề án giai đoạn 2011-2015; hiệu quả lồng ghép các Chương trình, đề án; kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp khắc phục để làm cơ sở xây dựng các CTMTQG, CTMT trong giai đoạn 2016-2020 theo Chỉ thị số 22/CT-TTg về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với các Chương trình, đề án thực hiện bằng cả nguồn vốn ngoài nước, đánh giá kỹ về tình hình giải ngân nguồn vốn ngoài nước, cơ chế tài chính và các kiến nghị (nếu có). Rà soát các cam kết tài trợ trung và dài hạn của nhà tài trợ đối với các Chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ nước ngoài để xây dựng các cơ chế, chính sách bổ sung nguồn lực thay thế tương ứng trong trường hợp nguồn tài trợ nước ngoài giảm dần.

- Đánh giá khả năng cân đối NSDP và huy động cộng đồng để thực hiện các Chương trình, đề án. Trường hợp mức huy động thấp so với dự kiến, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

2.4. Kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương năm 2015

Báo cáo về biên chế, quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp, nhu cầu kinh phí tăng thêm, nguồn đảm bảo mức tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng; biên chế, đối tượng, nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/của Chính phủ.

2.5. Đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước chủ yếu của ngành:

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

- Đánh giá kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2015:

+ Đối với chế độ, chính sách: Đánh giá kết quả thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật; chính sách bảo hiểm y tế hỗ trợ người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cận nghèo; chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ người có công với cách mạng; chính sách đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tại các vùng đặc biệt khó khăn (chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo...); các chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú, bán trú, học sinh học tại các trường ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách bảo hiểm thất nghiệp; hỗ trợ khắc phục thiên tai, bão lũ, cứu đói cho người dân;...

+ Tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 đối với các đơn vị quản lý nhà nước và sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và số 96/2010/NĐ-CP; đánh giá tình hình triển khai Chương trình hành động của Chính phủ theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012.

+ Đánh giá tình hình thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ Lĩnh vực đào tạo và dạy nghề: Đánh giá kết quả thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ đến hết học kỳ II năm học 2014 – 2015 và các văn bản thay thế các Nghị định này (nếu có).

+ Lĩnh vực y tế: Rà soát việc triển khai thực hiện Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 về chế độ phụ cấp đặc thù.

- Đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa (tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển ngành, lĩnh vực; số lượng

các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục). Ngoài ra một số lĩnh vực cần bổ sung các nội dung đánh giá sau:

+ Tổng cục Dạy nghề, các trường Đại học, cao đẳng nghề trực thuộc Bộ: Đánh giá mức độ tự chủ trong các hoạt động chuyên môn, đào tạo (tuyển sinh, mở chuyên ngành đào tạo mới, xây dựng chương trình và giáo trình giảng dạy; tổ chức và quản lý đào tạo; cấp phát và quản lý văn bằng, chứng chỉ; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ; hợp tác quốc tế,...); tự chủ tài chính; tổ chức bộ máy;....

+ Các Bệnh viện, Trung tâm CH-PHCN, cơ sở BTXH trực thuộc Bộ: Đánh giá mức độ tự chủ của các cơ sở khám chữa bệnh công lập trên các mặt (tự chủ về hoạt động chuyên môn, tổ chức bộ máy, tài chính); đánh giá về thực trạng cơ sở vật chất gắn với chất lượng khám chữa bệnh; giá dịch vụ khám, chữa bệnh cơ bản so với tổng chi phí khám chữa bệnh để kiến nghị khả năng điều chỉnh giá phù hợp với khả năng đóng góp của người dân; yêu cầu đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao chất lượng dịch vụ và các nguồn lực đảm bảo từ xã hội hóa;...

+ Viện Khoa học LDXH và Viện Nghiên cứu khoa học dạy nghề: Đánh giá việc ban hành, sửa đổi các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ, Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 115/2005/NĐ-CP, nhất là các văn bản hướng dẫn về chế độ, định mức tài chính; cơ cấu bộ máy theo đặc thù tổ chức khoa học công nghệ tự chủ để làm cơ sở xác định mức độ giao quyền tự chủ thực sự về tài chính, tổ chức bộ máy, nhân lực và liên kết, hợp tác quốc tế.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016:

1. Yêu cầu, nhiệm vụ dự toán năm 2016:

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 của ngành, lĩnh vực và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong năm 2016. Dự toán chi NSNN lập theo đúng các quy định của pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSNN, trong đó chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai trong năm 2016 để hoàn thành nhiệm vụ, các chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác. Quán triệt chủ trương tiết kiệm ngay từ khâu lập dự toán.

- Các đơn vị quản lý lĩnh vực khẩn trương rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả để dành nguồn cho các chính sách an sinh xã hội cấp thiết. Chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Không trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới khi chưa cân đối được nguồn.

- Lập dự toán NSNN đảm bảo thời gian quy định của Luật NSNN; thuyết minh về cơ sở pháp lý, chi tiết tính toán và giải trình cụ thể.

2. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước:

Dự toán thu NSNN năm 2016 phải được xây dựng tích cực và theo đúng chính sách hiện hành, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2015, dự báo tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại năm 2016 có tính đến các tác động trong và ngoài nước trong tình hình mới.

Các khoản thu được để lại chi theo chế độ (học phí; giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; phí, lệ phí và các khoản huy động đóng góp khác): Các đơn vị căn cứ số thu thực hiện năm 2014, ước thực hiện thu năm 2015, dự kiến điều chỉnh các mức thu trong năm 2016, khả năng đóng góp của người sử dụng dịch vụ và những yếu tố dự kiến tác động đến thu năm 2016 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực.

Các khoản thu sự nghiệp mang tính chất giá dịch vụ kinh doanh của đơn vị, không thuộc nguồn thu NSNN, không tổng hợp chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc NSNN, nhưng phải lập dự toán riêng, xây dựng phương án sử dụng gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch – Tài chính) giám sát theo quy định.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên (Vốn sự nghiệp):

a) Căn cứ nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 của đơn vị, xây dựng dự toán chi thường xuyên trên cơ sở định mức phân bổ chi thường xuyên của NSNN và chính sách, chế độ cụ thể đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trong đó, chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương tính theo mức tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng, các khoản trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) thực hiện theo Luật Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Công đoàn, Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn.

b) Các đơn vị báo cáo cụ thể Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 633/QĐ-LĐTBXH ngày 15/5/2015 và số 773/QĐ-LĐTBXH ngày 08/6/2015 của Bộ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, trong đó làm rõ lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công và khả năng thực hiện năm 2016 (tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP).

c) Trong điều kiện cân đối NSNN còn khó khăn, yêu cầu các đơn vị sử dụng NSNN lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị; hạn chế tối đa về số lượng và quy mô tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, lễ ký kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác; dự toán chi cho các nhiệm vụ này không tăng so với số thực hiện năm 2015.

d) Xây dựng dự toán chi sự nghiệp kinh tế trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng;... Tuân thủ nghiêm quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ trong tổ chức triển khai thực hiện.

d) Xây dựng và tổng hợp dự toán chi đảm bảo hoạt động thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật trong dự toán chi thường xuyên lĩnh vực tương ứng của đơn vị.

e) Chi nghiên cứu khoa học: Xây dựng dự toán căn cứ quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền về danh mục, dự toán kinh phí và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (trong đó có kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ) được lập dự toán theo quy định của Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp Bộ, cấp cơ sở và hoạt động phục vụ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được lập dự toán theo quy định của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Các nhiệm vụ không thường xuyên khác của đơn vị nghiên cứu khoa học được lập dự toán theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

g) Chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề: Thuyết minh rõ cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chi thực hiện các chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của cấp có thẩm quyền;...

h) Chi sự nghiệp y tế: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu kinh phí thực hiện cụ thể và các nguồn kinh phí để thực hiện.

i) Ngoài các quy định chung nêu trên, các đơn vị sử dụng ngân sách khi xây dựng dự toán cần lưu ý thêm một số nội dung sau:

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên phục vụ hoạt động sự nghiệp theo các chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao: Ưu tiên xây dựng và bố trí dự toán cho các chương trình, dự án đang thực hiện dở dang theo tiến độ phải hoàn thành trong năm 2016; các chương trình, dự án đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Không xây dựng dự toán và phê duyệt chủ trương đối các chương trình, dự án chưa được thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

- Các nhiệm vụ không thường xuyên được thực hiện bằng nguồn vốn ngoài nước (nếu có): Xây dựng dự toán đối với nguồn vốn ngoài nước và vốn đối ứng theo đúng các cam kết đã ký và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

k) Chi quản lý hành chính: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

- Số biên chế năm 2015 (số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2015 - số biên chế tinh giản trong năm + số bổ sung trong năm nếu có), trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được

duyet (nếu có); số người làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn tại các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan Đảng, tổ chức chính trị xã hội theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

- Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm:

+ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương theo chế độ; các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn).

+ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế, các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn).

+ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số người làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thực có mặt tại thời điểm lập dự toán (*cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm*), được xác định tương tự như đối với số biên chế được duyệt.

- Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi,...).

4. Cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương:

Năm 2016 tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương); từ nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan hành chính, nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Các đơn vị quản nước lĩnh vực (Tổng cục Dạy nghề, các Cục...): Ngoài việc lập dự toán thu-chi NSNN năm 2016 (phần đơn vị trực tiếp thực hiện), cần dự báo kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách đã được ban hành trong giai đoạn 2011-2015 tiếp tục thực hiện giai đoạn 2016-2020 và cơ chế, chính sách dự kiến ban hành mới trong giai đoạn 2016-2020; đồng thời thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

6. Xây dựng dự toán các CTMTQG, CTMT, Đề án, dự án:

Các đơn vị được giao chủ trì quản lý các Chương trình, Đề án khẩn trương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư các CTMTQG, CTMT giai đoạn 2016-2020; đồng thời khẩn trương xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi của chương trình để báo cáo Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Kiến nghị mức ngân sách năm 2016 đối với các chương trình, dự án dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2016-2020; đồng thời kiến nghị mức kinh phí và phương thức phân bổ, giao dự toán năm 2016 đối với các chương trình, đề án, dự án từ năm 2016 chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, ngành, địa phương.

Đề xuất nguồn lực thực hiện CTMTQG, CTMT năm 2016 phải dự kiến theo cơ cấu nguồn, chi tiết đến từng dự án thành phần và nhu cầu hỗ trợ từ ngân sách trung ương. Việc đề xuất nhu cầu hỗ trợ từ ngân sách trung ương phải trong khả năng cân đối ngân sách trung ương và thực tế bố trí ngân sách trung ương những năm trước cho tổng thể chương trình.

7. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi

- Lập dự toán chi NSNN từ nguồn vốn ngoài nước theo tiến độ giải ngân năm 2016 của các chương trình, dự án và vốn đối ứng theo Hiệp định đã ký, tuân thủ trình tự, thủ tục quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, trong đó: chi tiết kế hoạch giải ngân theo nguồn (vốn viện trợ không hoàn lại, vốn ODA, vốn vay ưu đãi) của từng nhà tài trợ và theo tính chất khoản chi (chi ĐTPT, chi thường xuyên).

- Dự toán vốn đối ứng các Chương trình, dự án được lập tương ứng theo tính chất nguồn vốn (*kinh phí thường xuyên; vốn đối ứng bằng hiện vật, vốn đối ứng bằng tiền*) theo từng hạng mục, nội dung chi; trong đó căn cứ vào tiến độ triển khai phân định cụ thể phần vốn để chuẩn bị chương trình, dự án, phần vốn thực hiện chương trình, dự án. Các đơn vị thực hiện Dự án cụ thể hóa các nguồn bố trí vốn đối ứng từ NSTW, NSDP (nếu có), vốn do chủ dự án tự bố trí, vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng hoặc các nguồn vốn đối ứng khác. Phần vốn đối ứng để thực hiện các hoạt động của Ban quản lý chương trình, dự án (*luong, thưởng, phụ cấp, văn phòng phẩm, phương tiện làm việc, chi phí hành chính*) phải thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

- Đối với các chương trình, dự án do một số Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương cùng tham gia, cơ quan chủ quản chương trình, dự án phân bổ và thuyết minh cụ thể cơ sở phân bổ để Bộ (Vụ KHTC) tổng hợp gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp để trình cấp có thẩm quyền quyết định và giao dự toán chi NSNN năm 2016 cho từng Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương (nếu có).

8. Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ

Các đơn vị thực hiện lập dự toán thu (học phí, phí, lệ phí khác và các khoản huy động đóng góp) và dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ quy định theo đúng các nội dung đã quy định tại điểm 2 phần II của công văn này và tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị.

9. Các đơn vị sử dụng ngân sách xây dựng dự toán chi phải chặt chẽ và chi tiết đối với từng nhiệm vụ; tập trung chỉ đạo rà soát lại tất cả các khâu trong công tác phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN, đặc biệt là vốn có tính chất đầu tư XDCB và vốn vay, viện trợ, nhằm đảm bảo việc phân bổ ngân sách đúng mục tiêu, đúng chế độ, đúng đối tượng; việc quản lý, sử dụng ngân sách phải chặt chẽ, hiệu quả, có chế độ báo cáo, kiểm tra, kiểm toán, tránh để xảy ra thất thoát, lãng phí.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thuyết minh, mẫu biểu lập dự toán:

1.1. Thuyết minh lập dự toán:

- Đối với các khoản chi thường xuyên:

+ Các khoản chi cho hoạt động hành chính, sự nghiệp của các đơn vị được dự toán trên cơ sở chế độ, chính sách và định mức chi quản lý nhà nước, sự nghiệp hiện hành (theo mức được giao năm 2015). Đối với các nhiệm vụ tăng hoặc giảm so với năm 2015, đơn vị lập dự toán tăng hoặc giảm tương ứng, những nhiệm vụ đặc thù của từng đơn vị cần có thuyết minh cụ thể.

+ Các nhiệm vụ chi thường xuyên khác (sự nghiệp nuôi dưỡng người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội,...) căn cứ vào kế hoạch và nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện năm 2015 để lập dự toán chi tiết triển khai thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

- Đối với các khoản chi không thường xuyên:

+ Các khoản chi chương trình, đề tài cấp Bộ... ngoài việc lập dự toán theo yêu cầu cần khẩn trương hoàn tất các thủ tục theo quy định để đảm bảo điều kiện bố trí dự toán kinh phí.

+ Các khoản chi cho mua sắm, sửa chữa tài sản, chi cho công việc (Hội nghị, điều tra, nghiên cứu...) bằng nguồn kinh phí sự nghiệp cần có thuyết minh, tính toán chi tiết kèm theo.

1.2. Báo biểu lập dự toán

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và nội dung hoạt động của đơn vị, dự toán thu chi NSNN của đơn vị lập theo hệ thống biểu mẫu kèm theo công văn này.

2. Những đề xuất, kiến nghị của đơn vị (nếu có)

- Trên cơ sở kết quả đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2015, tình hình thực hiện chính sách chính sách, chế độ khác có liên quan trong giai đoạn 2011-2015; kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán,... các đơn vị nghiên cứu đề xuất cụ thể việc sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ thu, chi NSNN và các chính sách, chế độ khác; kiến nghị công tác hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ NSNN để tổng hợp đề nghị Bộ Tài chính và các cấp có thẩm quyền nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

- Đề xuất bổ sung, sửa đổi chính sách chế độ, định mức không còn phù hợp:

+ Chế độ, chính sách cho đối tượng, cho cán bộ, công chức, viên chức;

+ Định mức dự toán, định mức chi tiêu;

+ Quy trình, phân cấp xét duyệt các khâu: dự toán, quyết toán, mua sắm tài sản.

- Đề xuất, kiến nghị khác.

3. Tiến độ lập dự toán:

- Các đơn vị dự toán cấp II và cấp III trực thuộc Bộ gửi Dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 về Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 12/7/2015 đồng thời gửi thư theo địa chỉ mail: phongkh@molisa.gov.vn.

- Các đơn vị dự toán cấp II chủ động triển khai lập dự toán đối với các đơn vị cấp III trực thuộc để đảm bảo yêu cầu và thời gian nêu trên.

Do khối lượng công việc lớn, thời gian gấp; vì vậy, đề nghị Thủ trưởng đơn vị tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN năm 2016 đảm bảo yêu cầu, nội dung và tiến độ quy định.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đơn vị phản ánh về Bộ (*Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại 04.38.269.544*) để được hướng dẫn thêm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**



Phạm Quang Phụng

www.LuatVietnam.vn

MẪU BIỂU XÂY DỰNG DỰ TOÁN NĂM 2016 CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

STT	Tên đơn vị	Mẫu biểu Dự toán bắt buộc		
		Theo TT 59/2003	TT 102/2015	Ngày nhận D
I	Quản lý nhà nước			
1	Văn phòng Bộ LĐTBXH	PL2-B2, B5, B6, B7, B8, B11, B12, B12b, B13, B15, B18, B20	B2, B14, B15, B16	
2	Văn phòng Bộ tại Tp.HCM	PL2-B2, B20	B16	
3	Tổng cục Dạy nghề	PL2-B2, B5, B6, B7, B8, B10, B11, B12, B12b, B13, B16, B20	B2, B14, B15, B16	
4	Cục Người có công	PL2-B2, B5, B12, B12b, B13, B15, B20	B2, B14, B15, B16	
5	Cục Phòng, chống TNXH	PL2- B6, B7, B10, B11, B12, B12b, B13, B15, B20	B2, B14, B15, B16	
6	Cục Quản lý LĐNN	PL2-B2, B4, B5, B6, B7, B8, B10a, B11, B12, B13, B20	B2, B14, B15, B16	
7	Cục An toàn Lao động	PL2-B2, B5, B6, B7, B8, B10b, B11, B12, B12b, B13, B20	B2, B14, B15, B16	
8	Cục Bảo trợ xã hội	PL2- B2, B6, B7, B8, B10b, B11, B12, B12b, B13, B15, B20	B2, B14, B15, B16	
9	Cục Việc làm	PL2- B2, B5, B6, B7, B8, B10a, B11, B12, B12b, B13, B20	B2, B14, B15, B16	
10	Cục Bảo vệ, chăm sóc Trẻ em	PL2- B2, B5, B6, B7, B8, B10b, B11, B12, B12b, B13, B15, B20	B2, B14, B15, B16	
11	Thanh tra Bộ	PL2- B5, B6, B7, B8, B12, B13, B15, B20	B2, B14, B15, B16	
12	Văn phòng QG về Giảm nghèo	PL2- B6, B7, B8, B12, B13, B15, B20	B2, B14, B15, B16	
13	Văn phòng UB QG Người cao tuổi	PL2- B6, B7, B8, B12, B13, B15, B20	B2, B14, B15, B16	
II	Sự nghiệp đảm bảo xã hội			
14	Bệnh viện CH-PHCN Đà Nẵng	PL2- B5, B7, B15	B16	
15	Bệnh viện CH-PHCN Quy Nhơn	PL2- B5, B7, B15	B16	
16	Bệnh viện CH-PHCN TP HCM	PL2- B5, B7, B15	B16	
17	Trung tâm CH-PHCN Tp.HCM	PL2- B5, B7, B15	B16	
18	Trung tâm CH-PHCN Cần Thơ	PL2- B5, B7, B15	B16	
19	Trung tâm Kỹ thuật CH	PL2- B5, B7, B15	B16	
20	TT ĐD - PHCN Tâm thần Việt Trì	PL2- B5, B7, B15	B16	
21	Trung tâm PHCN trẻ TT Thuy An	PL2- B5, B7, B15	B16	
22	Viện CH&PHCN	PL2- B5, B7, B15	B16	
23	Quỹ Bảo trợ Trẻ em VN	PL2- B5, B7, B15	B16	
24	Trung tâm rà phá bom mìn	PL2- B7, B15	B16	
25	TT tư vấn và dịch vụ truyền thông	PL2- B5, B7, B15	B16	

STT	Tên đơn vị	Mẫu biểu Dự toán bắt buộc		
		Theo TT 59/2003	TT 102/2015	Ngày nhận D
26	Trung tâm ĐDTB Lạng Giang	PL2- B7, B15	B16	
27	Trung tâm ĐDTB Thuận Thành	PL2- B7, B15	B16	
28	Trung tâm ĐDTB Duy Tiên	PL2- B7, B15	B16	
29	Trung tâm ĐDTB Kim Bảng	PL2- B7, B15	B16	
30	Trung tâm PHSK NCC Sâm Sơn	PL2- B5, B7, B15	B16	
31	Trung tâm ĐDTB-NCC Long Đất	PL2- B7, B15	B16	
32	Làng trẻ em SOS	PL2- B5, B7, B15	B16	
33	Trung tâm Bảo trợ xã hội trẻ em thiệt thòi	PL2- B5, B7, B15	B16	
34	Trung tâm PHCN và trợ giúp trẻ tàn tật	PL2- B5, B7, B15	B16	
35	Nhà khách Người có công	PL2- B5, B15	B16	
36	Nhà khách Văn phòng Bộ	PL2- B5, B15	B16	
III	Sự nghiệp khoa học		B16	
37	Viện KHLĐ&XH	PL2- B5, B6, B7, B12, B13	B16	
38	Viện KH Dạy nghề (TCDN)	PL2- B5, B6, B7, B12, B13	B16	
IV	Sự nghiệp giáo dục đào tạo		B16	
39	Trường Đại học LĐXH		B16	
	1. Cơ sở Hà nội	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B16	
	2. Cơ sở Sơn Tây	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B16	
	3. Cơ sở Tp.HCM	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B16	
40	Trường Đào tạo, BD CBCC	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B16	
41	Trường Đại học SPKT Nam Định	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B16	
42	Trường Đại học SPKT Vinh	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B16	
43	Trường ĐH SPKT Vinh Long	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B16	
44	Trường CĐNN KTCN	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B16	
45	Trường CĐN KTCN Tp.HCM	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B16	
46	Trường CĐN KTCN Dung Quất	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B16	
47	Ban QL các dự án DN vốn ODA	PL2- B6, B7, B11, B16	B16	
V	Sự nghiệp văn hoá TT		B16	
48	Tạp chí Lao động - Xã hội	PL2-B5, B18	B16	
49	Tạp chí Gia đình - Trẻ em	PL2-B5, B18	B16	
50	Nhà xuất bản LĐXH	PL2-B18	B16	
51	Báo LĐ-XH	PL2-B5, B18	B16	
VI	Sự nghiệp kinh tế		B16	
52	Trung tâm Thông tin	PL2-B5, B12	B16	
53	TT quốc gia DV Việc làm	PL2-B5, B12	B16	
54	TT phát triển quan hệ lao động	PL2-B5, B12	B16	

STT	Tên đơn vị	Mẫu biểu Dự toán bắt buộc		
		Theo TT 59/2003	TT 102/2015	Ngày nhận D
55	Trung tâm Lao động ngoài nước	PL2-B5	B16	
56	Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước	PL2 - B4b	B16	
57	Trung tâm KĐKTAT khu vực I	PL2-B5	B16	
58	Trung tâm KĐKTAT khu vực II	PL2-B5	B16	
59	Trung tâm KĐKTAT khu vực III	PL2-B5	B16	
VII	Các Vụ thuộc Văn phòng và Phòng thuộc Vụ:			
1	Phòng TCKT	Các Biểu dự toán vốn ngoài nước theo ý kiến chỉ đạo của Vụ trưởng		
2	Phòng XDCB			
3	Vụ Pháp chế	Các đơn vị lập dự toán của đơn vị mình, gửi Văn Phòng Bộ tổng hợp chung, đồng thời gửi 1 bản cho Vụ KHTC		
4	Vụ Bình Đẳng Giới			
5	Vụ Hợp tác quốc tế			
6	Vụ BHXH			
7	Vụ TCCB			
8	Vụ LĐTL			

Ghi chú:

1. Các đơn vị chủ trì các CTMTQG, CTMT báo cáo theo Biểu số 15b và 15b; các đơn vị thực hiện CTMTQG, CTMT báo cáo theo Biểu số 16 kèm theo công văn số 3686/BKHĐT ngày 11/6/2015 của Bộ KH-ĐT.
2. Ngoài các Biểu bắt buộc ở trên, các đơn vị chủ động lập thêm các Biểu dự toán phù hợp với tính chất nguồn đối với các nội dung chi của đơn vị đề xuất./.

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2016

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN 2015	ƯỚC THỰC HIỆN 2015	DỰ TOÁN 2016
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí			
	- Học phí			
	- Phí, lệ phí khác			
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại			
	- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Phí, lệ phí khác			
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước			
I	Chi đầu tư phát triển			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học, công nghệ			
1	Chi đầu tư XD CB			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ quy định			
3	Chi dự trữ nhà nước			
4	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên			
1	Chi quốc phòng, an ninh, đặc biệt			
2	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
3	Chi sự nghiệp y tế			
4	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ			
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin			
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình			
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
8	Chi sự nghiệp kinh tế			
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
10	Chi quản lý hành chính			
11	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách			
12	Chi khác			
III	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và các chương trình, dự án lớn khác			

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐÁNH GIÁ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2015 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2016**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN 2015	ƯỚC THỰC HIỆN 2015	DỰ TOÁN 2016
	TỔNG SỐ			
I	Chi NSNN			
1	Chi đầu tư XDCB			
a	<i>Ngân sách Trung ương</i>			
b	<i>Ngân sách địa phương</i>			
2	Chi thường xuyên			
a	<i>Ngân sách Trung ương</i>			
b	<i>Ngân sách địa phương</i>			
3	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và các chương trình, dự án lớn khác			
II	Chi từ nguồn trái phiếu Chính phủ			
	Trong đó: Cho ngành giao thông			
	Cho lĩnh vực thủy lợi			
	Cho ngành giáo dục			
	Cho ngành y tế			
III	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, đóng góp,...			
IV	Chi đầu tư của các cơ sở ngoài công lập			
V	Chi đầu tư khác			

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2016

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN 2015	ƯỚC THỰC HIỆN 2015	DỰ TOÁN 2016
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí			
	- Học phí			
	- Phí, lệ phí khác			
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại			
	- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Phí, lệ phí khác			
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước			
I	Chi đầu tư phát triển			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học, công nghệ			
1	Chi đầu tư XD CB			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ quy định			
3	Chi dự trữ nhà nước			
4	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên			
1	Chi quốc phòng, an ninh, đặc biệt			
2	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
3	Chi sự nghiệp y tế			
4	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ			
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin			
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình			
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
8	Chi sự nghiệp kinh tế			
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
10	Chi quản lý hành chính			
11	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách			
12	Chi khác			
III	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và các chương trình, dự án lớn khác			

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN
MỨC LƯƠNG CƠ SỞ 1,15 TRIỆU ĐỒNG/THÁNG NĂM 2015**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số người làm việc được cấp có thẩm quyền quyết định thực có mặt tại thời điểm 30/6/2015		Quỹ tiền lương, phụ cấp thực hiện mức lương cơ sở 1,15 triệu đồng/tháng năm 2015		Nguồn đảm bảo Quỹ tiền lương, phụ cấp thực hiện mức lương cơ sở 1,15 triệu đồng/tháng		
		Tổng số	Trong đó: Số lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Trong đó: Quỹ tiền lương, phụ cấp của số lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	40% số thu để lại theo chế độ (riêng ngành y tế là 35%)	NSNN
	TỔNG SỐ							
1	Chi quốc phòng							
2	Chi an ninh							
3	Chi đặc biệt							
4	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề							
5	Chi sự nghiệp y tế							
6	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ							
7	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin							
8	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình							
9	Chi sự nghiệp thể dục thể thao							
10	Chi sự nghiệp kinh tế							
11	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường							
12	Chi quản lý hành chính							

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 17/2015/NĐ-CP CỦA NĂM 2015

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	NỘI DUNG	TỔNG SỐ						
		Tổng biên chế năm 2015 được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt	Tổng số biên chế có hệ số lương từ 2,34 trở xuống có mặt tại thời điểm 01/01/2015 (không bao gồm đối tượng hợp đồng theo Nghị định 68/2010/	Tổng số đối tượng làm việc theo chế độ hợp đồng ^[1] không thời hạn theo Nghị định 68/2010/NĐ-CP có hệ số lương từ 2,34 trở xuống có mặt thời điểm 01/01/2015	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ theo Nghị định số 66/2013/NĐ-CP của đối tượng có hệ số lương từ 2,34 trở xuống (1 tháng)	Nhu cầu kinh phí tăng lương theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP (1 tháng)	Số tháng bình quân trong năm được điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP	Nhu cầu kinh phí tiền lương tăng thêm năm 2015
A	B	1	2	3	4	5 = (4) x 8%	6	7 = (5) x (6)
	TỔNG SỐ							
I	Lĩnh vực chỉ giáo dục - đào tạo							
1	Đơn vị ...							
2	Đơn vị ...							
	...							
II	Lĩnh vực chỉ y tế							
1	Đơn vị ...							
2	Đơn vị ...							
	...							
III	Lĩnh vực chỉ ...							
1	Đơn vị ...							
2	Đơn vị ...							
	...							

Ghi chú:

[1] Chỉ tổng hợp đối tượng hợp đồng 68 (không thời hạn) của đơn vị quản lý hành chính, Đảng, tổ chức chính trị - xã hội.

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016

Đơn vị: triệu đồng

Mục	NỘI DUNG	Ước Quyết toán năm 2014	Năm 2015		Dự toán năm 2016
			Dự toán	Ước TH	
	A. PHẦN THU				
	I- Tổng số thu				
	1. Số dư năm trước chuyển sang				
	2. Số thu trong năm:				
	- Thu HTLĐ theo HĐ cũ (8%)				
	- Thu lệ phí cấp phép, phí quản lý				
	- Thu Thẩm định hồ sơ				
	- Lãi ngân hàng				
	- Chênh lệch tỷ giá				
	- Thu khác				
	II- Số thu nộp ngân sách nhà nước				
	- Nộp thuế hoạt động sự nghiệp				
	- Nộp khác				
	III- Số thu được để lại chi				
	1. Số dư năm trước chuyển sang				
	2. Số thu trong năm:				
	- Thu HTLĐ theo HĐ cũ				
	- Thu lệ phí cấp phép, phí quản lý				
	- Thu Thẩm định hồ sơ				
	- Lãi ngân hàng				
	- Chênh lệch tỷ giá				
	- Thu khác				
	B. PHẦN CHI				
	1 Chi Đầu tư XD CB				
	2 Chi sự nghiệp kinh tế				
	- Hỗ trợ xúc tiến thương mại				
	- Chi sự nghiệp đào tạo và đưa lao động đi HQ				
	3 Chi quản lý hành chính (Trong nước)				
	Trong đó: Tiền lương				

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước Quyết toán năm 2014	Năm 2015		Dự toán năm 2016
			Dự toán	Ước TH	
	A. PHẦN THU				
I	Tổng số thu				
1	<i>Số dư năm trước chuyển sang</i>				
2	<i>Số thu trong năm:</i>				
	- Thu Quỹ xuất khẩu lao động				
	- Lãi ngân hàng				
	- Thu khác				
II	Số thu nộp ngân sách nhà nước				
	- Nộp thuế hoạt động sự nghiệp				
	- Nộp khác				
I	Số thu được để lại chi				
1	<i>Số dư năm trước chuyển sang</i>				
2	<i>Số thu trong năm:</i>				
	- Thu Quỹ xuất khẩu lao động				
	- Lãi ngân hàng				
	- Thu khác				
	B. PHẦN CHI				
1	<i>Chi hoạt động thường xuyên</i>				
	<i>Chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ</i> (Bao gồm cả chi hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động)				
2					
3	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ</i>				

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2016

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước Quyết toán năm 2014	Năm 2015		Dự toán năm 2016
			Dự toán	Ước TH	
	1	2	3	4	5
	A. TỔNG SỐ THU CỦA ĐƠN VỊ				
I	Tổng số thu từ phí, lệ phí, thu khác				
1	Thu phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>				
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hoạt động dịch vụ)</i>				
3	Thu sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>				
II	Số thu nộp ngân sách nhà nước				
1	Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>				
2	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hoạt động dịch vụ)</i>				
3	Hoạt động sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>				
III	Số thu được để lại đơn vị sử dụng theo chế độ quy định				
1	Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>				
2	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hoạt động dịch vụ)</i>				
3	Hoạt động sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>				
IV	Kinh phí ngân sách nhà nước cấp				
1	Dự toán chi thường xuyên (nếu có)				
2	Dự toán chi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, ngành				
3	Dự toán chi thực hiện nhiệm vụ nhà nước đặt hàng				
4	Chương trình mục tiêu quốc gia				
5	Chi đầu tư phát triển				
6	Chi khác (nếu có)				

TỔNG DỰ TOÁN THU - CHI TỪ NGUỒN TỪ NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2016

Đơn vị: Triệu đồng

Số	Tên nước, tổ chức quốc tế/dự án	Thời gian thực hiện dự án	Tổng số vốn ký kết theo hiệp định				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2014				Đánh giá thực hiện năm 2015				Dự toán năm 2016			
			Tổng số	Trong đó		Trong đó		Tổng số	Trong đó		Trong đó		Tổng số	Trong đó		Trong đó		
				XDCB		HCSN (1)			XDCB		HCSN (1)			XDCB		HCSN (1)		
				Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	
Cộng																		

Ghi chú:

- (1) Chi tiết cho từng lĩnh vực cho NSNN: GD-ĐT, Khoa học công nghệ...
- Báo cáo đối với các dự án vay nợ có tính chất sự nghiệp, dự án có cả XDCB và HCSN; Không thực hiện báo cáo đối với các Dự án đầu tư, dự án XDCB;

www.LuatVietnam.vn

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	TỔNG KINH PHÍ PHÊ DUYỆT GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 (HOẶC ĐẾN 2020)			ĐÃ THỰC HIỆN PHÂN BỐ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015				ĐỀ NGHỊ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020						
					Phân bổ năm 2011 - 2015		Phân bổ năm 2015		Tổng giai đoạn 2016-2020			Dự toán 2016			
		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm	Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm	
			Vốn ĐTPT	Vốn SN				Vốn SN	Vốn ĐTPT		Vốn SN	Vốn ĐTPT		Vốn SN	Vốn ĐTPT
6.1	Hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng cơ sở dữ liệu, tuyên truyền, giám sát, đánh giá														
6.2	Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội														
6.3	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, nhân viên công tác xã hội														
7	Đề án chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh ĐBKK (mồ côi không nơi nương tựa, bị bỏ rơi, nhiễm HIV/AIDS, nạn nhân của chất độc hóa học, khuyết tật nặng...)														
7.1	Nghiên cứu xây dựng chính sách; Thí điểm mô hình														
7.2	Hỗ trợ nâng cấp cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em														
7.3	Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin														
7.4	Tuyên truyền nâng cao nhận thức														
7.5	Giám sát, đánh giá														
8	Đề án PHCN cho người tâm thần dựa vào cộng đồng														
8.1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và truyền thông														
8.2	Hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, mua sắm thiết bị trung tâm chăm sóc và PHCN cho người tâm thần														
8.3	Xây dựng mô hình điểm cơ sở phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí														
8.4	Hỗ trợ xây dựng văn bản QPPL, tập huấn, Chương trình khung, giám sát đánh giá														

Chi chú:

Đối với đề xuất dự toán 2016, đơn vị thay đổi tên Chương trình, dự án, hoạt động theo các đề xuất giai đoạn 2016 - 2020 đang trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định.

DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2016

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	QUYẾT TOÁN NĂM 2014	NĂM 2015		DỰ TOÁN NĂM 2016
				DỰ TOÁN	ƯỚC TH	
	Tổng số	Triệu đồng				
	A. Chi hoạt động nghiệp vụ	Triệu đồng				
I	Hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu lao động					
II	Điều tra cơ bản					
	Chi tiết theo từng cuộc điều tra					
IV	Đề án Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động					
V	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin					
VI	Đồng bộ chỉ tiêu thống kê					
	B. Chi hoạt động bộ máy quản lý					
1	Biên chế	Người				
	- Biên chế được duyệt					
	- Số có mặt thực tế					
2	Chi hoạt động	Triệu đồng				
	a. Quỹ lương, phụ cấp, đóng góp theo lương	-				
	b. Các khoản chi TX khác (DV công cộng, vật tư VP, TTTT, công tác phí, sửa chữa TX...)	-				
	c. Chi các khoản chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù					
	d. Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản	-				

DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM 2016

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN NĂM 2014	NĂM 2015		DỰ TOÁN NĂM 2016
			Dự toán	Ước TH	
	Tổng số				
1	Công tác phổ biến, tuyên truyền bảo vệ môi trường				
2	Đề án bảo vệ môi trường trong tại các cơ sở CH-PHCN và điều dưỡng NCC				
3	Đề án bảo vệ môi trường tại các cơ sở bảo trợ xã hội				
4	Đề án bảo vệ môi trường tại các cơ sở giáo dục Lao động - Xã hội				
5	Khảo sát, điều tra, đánh giá tình hình môi trường; xây dựng văn bản QPPL về BVMT và thí điểm xử lý tại 1 số đơn vị				
				

DỰ TOÁN CHI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2016

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Quyết toán năm 2014	Năm 2015		Dự toán Năm 2016
				Dự toán	Ước Thực hiện	
	Tổng số chi					
I	Biên chế					
1	<i>Biên chế được duyệt</i>	Người				
2	<i>Số có mặt thực tế</i>	Người				
	Biên chế	Người				
	Hợp đồng dài hạn	Người				
II	CT, đề tài cấp nhà nước, cấp Bộ	Triệu đồng				
1	<i>Đề tài Khoa học cấp nhà nước:</i>	Triệu đồng				
2	<i>Đề tài Khoa học cấp Bộ</i>					
III	Chi hoạt động	Triệu đồng				
1	Quỹ lương, phụ cấp, đóng góp	-				
	Trong đó: - Lương cán bộ trong BC					
	- Lương cán bộ hợp đồng					
	- Tiền công	-				
	Các khoản đóng góp theo lương	-				
2	Các khoản chi TX khác (DV công cộng, vật tư VP, TTTT, công tác phí, sửa chữa TX...)	-				
3	Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản	-				
	Tổng số thu	Triệu đồng				
1	Phí, lệ phí	-				
2	Thu từ các dự án thử nghiệm (cấp Nhà nước, cấp Bộ...)	-				
3	Thu khác	-				

DỰ TOÁN CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI TẬP 2016

STT	Nội dung	Đơn vị tính	ƯỚC QT NĂM 2014	NĂM 2015		DỰ TOÁN NĂM 2016
				DỰ TOÁN	ƯỚC TH	
	TỔNG CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI					
I	HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI TẬP TRUNG					
	<u>Tổng các khoản hi</u>	<i>Triệu đồng</i>				
1	Số đơn vị	Đơn vị				
2	Biên chế	Người				
3	Số có mặt thực tế	Người				
	Biên chế	Người				
	Hợp đồng dài hạn	Người				
4	Đối tượng	Người				
	- Thương binh, bệnh binh	-				
	- Con Thương binh, liệt sỹ	-				
	- Xã hội	-				
5	Giường điều trị	Triệu đồng				
	Số giường	Giường				
	Mức chi	Triệu đồng				
6	Sinh hoạt phí của đối tượng	Triệu đồng				
	- Thương binh, bệnh binh					
	- Con Thương binh, liệt sỹ					
	- Đối tượng xã hội					
	- Trợ cấp ưu đãi giáo dục con TB nặng					
7	Chi các chính sách, chế độ cho đối tượng	Triệu đồng				
	- Quà và ăn thêm ngày Lễ					
	- Các chế độ khác của TBB (DCCH, Trang cấp đặc biệt, Lộ phí thăm gd, Hỗ trợ TB về gd, sách báo CLB)					
8	Chi khác phục vụ đối tượng (Điện nước, xăng dầu, mua sắm TS, SC công trình phúc lợi,...)	Triệu đồng				
	Trong đó: - Điện nước, xăng dầu ...					
	- Mua sắm TSCĐ					
	- Sửa chữa lớn TSCĐ và công trình phúc lợi					
9	Phụ cấp trực y tế	Triệu đồng				
10	Chi thường xuyên theo định mức	Triệu đồng				
	a. Quỹ lương, phụ cấp	-				
	Trong đó: - Lương cán bộ trong BC	-				
	- Lương cán bộ hợp đồng	-				
	- Tiền công	-				
	b. Các khoản đóng góp theo lương	-				
	c. Các khoản chi TX khác (DV công cộng, vật tư VP, TTTT, công tác phí, sửa chữa TX...)	-				
11	Chi tiếp đối tượng	Triệu đồng				

	Các khoản thu	Triệu đồng				
1	- Thu viện phí					
2	- Thu khác					
II	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI KHÁC	Triệu đồng				
1	Nhiệm vụ phòng chống mại dâm					
2	Nhiệm vụ chăm sóc TE					
3	Quản lý, chăm sóc người có công					
4	Thực hiện các đề án					
5	Phòng chống tội phạm buôn bán PN và trẻ em					
6	Người tàn tật					
7	Người cao tuổi					
8	Hoạt động xã hội khác					

www.LuatVietnam.vn

CƠ SỞ TÍNH CHI GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO NĂM 2016

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Ước QT năm 2014	Năm 2015		Dự kiến năm 2016
				Dự toán	Thực hiện	
I	Chỉ tiêu biên chế, quỹ TL					
	Số trường	<i>Trường</i>				
	Số biên chế được duyệt:	<i>Biên chế</i>				
	Quỹ lương, phụ cấp	<i>Tr.đồng</i>				
	Trong đó: - Lương cán bộ trong BC					
	- Lương cán bộ hợp đồng					
- Tiền công						
- Phụ cấp thâm niên	-					
II	TỔNG SỐ CHI	<i>Tr.đồng</i>				
	1 Một số nhiệm vụ không thường xuyên	<i>Tr.đồng</i>				
	Cấp bù học phí sư phạm					
	Miễn giảm học phí theo ND 49					
	Thi tay nghề ASEAN					
	Thi tay nghề thế giới	-				
	Nhiệm vụ khác (chi tiết theo từng nhiệm vụ chi)	-				
	Tổng số chi	-				
	2 Vốn đối ứng các dự án Day nghề	<i>Tr.đồng</i>				
	- Dự án Đức					
- Dự án Hàn Quốc						
- Dự án ... (Chi tiết đến từng dự án)						
Tổng số chi						
3 Đại học quản lý	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	Mức chi	<i>Tr.đồng</i>				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN					
	- Từ nguồn thu được để lại					
Tổng số chi	-					
4 Đại học sư phạm kỹ thuật	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	Mức chi	<i>Tr.đồng</i>				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN					

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Ước QT năm 2014	Năm 2015		Dự kiến năm 2016
				Dự toán	Thực hiện	
	- Từ nguồn thu được để lại Tổng số chi	-				
5	Cao đẳng quản lý tập trung					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	Mức chi	Tr.đồng				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN - Từ nguồn thu được để lại					
	Tổng số chi	-				
6	Cao đẳng sư phạm kỹ thuật					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	Mức chi	Tr.đồng				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN - Từ nguồn thu được để lại					
	Tổng số chi	-				
7	Cao đẳng nghề					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	Mức chi	Tr.đồng				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN - Từ nguồn thu được để lại					
	Tổng số chi	-				
8	Đại học, Cao đẳng tại chức					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	Mức chi	Tr.đồng				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN - Từ nguồn thu được để lại					
	Tổng số chi	-				
9	Trung học quản lý					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Ước QT năm 2014	Năm 2015		Dự kiến năm 2016
				Dự toán	Thực hiện	
	Số học sinh có mặt bình quân Mức chi Trong đó: - Từ nguồn NSNN - Từ nguồn thu được để lại Tổng số chi	- Tr.đồng				
10	Trung học kỹ thuật Số học sinh có mặt đầu năm Số ra trường trong năm Số tuyển mới trong năm Số học sinh có mặt bình quân Mức chi Trong đó: - Từ nguồn NSNN - Từ nguồn thu được để lại Tổng số chi	Người - - - Tr.đồng				
11	Trung cấp nghề Số học sinh có mặt đầu năm Số ra trường trong năm Số tuyển mới trong năm Số học sinh có mặt bình quân Mức chi Trong đó: - Từ nguồn NSNN - Từ nguồn thu được để lại Tổng số chi	Người - - - Tr.đồng				
12	Bồi dưỡng đào tạo lại cán bộ Đào tạo trong nước Đào tạo Hội nhập Tổng số	Tr.đồng Tr.đồng -				
III	TỔNG SỐ THU - Học phí - Các khoản thu dịch vụ, liên danh, liên kết	Tr.đồng				



CƠ SỞ TÍNH CHI TÀI TRỢ CHO CÁC NHÀ XUẤT BẢN NĂM 2015

STT	TÊN XUẤT BẢN PHẨM ĐƯỢC TÀI TRỢ	Đơn vị tính	QUYẾT TOÁN 2014				NĂM 2015								DỰ TOÁN NĂM 2016			
			Số trang (Quy chuẩn)	Tổng giá thành (Tr.đồng)	Tổng doanh thu (Tr.đồng)	Số tiền được tài trợ (Tr. đồng)	DỰ TOÁN				ƯỚC THỰC HIỆN				Số trang (Quy chuẩn)	Tổng giá thành (Tr.đồng)	Tổng doanh thu (Tr.đồng)	Số tiền được tài trợ (Tr. đồng)
							Số trang (Quy chuẩn)	Tổng giá thành (Tr.đồng)	Tổng doanh thu (Tr.đồng)	Số tiền được tài trợ (Tr. đồng)	Số trang (Quy chuẩn)	Tổng giá thành (Tr.đồng)	Tổng doanh thu (Tr.đồng)	Số tiền được tài trợ (Tr. đồng)				
	Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

www.LuatVietnam.vn

DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NĂM 2016

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Ước Quyết toán 2014	Năm 2015		Dự toán năm 2016
				Dự toán	Thực hiện	
A	Chỉ tiêu Biên chế	Người				
1	Biên chế được duyệt	-				
2	Số cán bộ, công chức có mặt thực tế	-				
	Biên chế	-				
	Hợp đồng dài hạn	-				
	Hợp đồng ngắn hạn	-				
B	Tổng số chi					
I	Chi thường xuyên theo định mức:	Triệu đồng				
1	Quỹ lương, phụ cấp	-				
	Trong đó: - Lương cán bộ trong biên chế					
	- Lương cán bộ hợp đồng					
	- Tiền công					
2	Các khoản chi TX khác (DV công cộng, vật tư VP, TTTT, công tác phí...)	-				
II	Công việc c/môn đặc thù của ngành	Triệu đồng				
	- Tuyên truyền chăm sóc NCC, đối tượng XH					
	- Các văn bản pháp luật					
	- Chi về bảo hộ lao động					
	- Làm niên giám thống kê					
	- UB vì sự tiến bộ Phụ nữ					
	- Chi cho hoạt động nghiệp vụ dạy nghề					
	- Chi tiếp dân					
	- Chi công tác thi đua, tuyên truyền ngành					
	- Vốn đối ứng các dự án và Các khoản chi đặc thù khác					
III	Chi ngoài nước (Ban QLLĐ)					
	- Chi thường xuyên					
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ					
IV	Hội nghị					
	- Hội nghị ngành và tập huấn nghiệp vụ					
	- Hội nghị, hội thảo Quốc tế luân phiên theo nghĩa vụ thành viên hoặc đăng cai					

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Ước Quyết toán 2014	Năm 2015		Dự toán năm 2016
				Dự toán	Thực hiện	
V	Đoàn ra nước ngoài	Triệu đồng				
	1. Các đoàn ra theo nghĩa vụ nước thành viên					
	2. Các đoàn ra hợp tác quốc tế theo lĩnh vực ngành					
	(Chi tiết các đoàn ra...)					
VI	Chi đón tiếp các đoàn khách quốc tế	Triệu đồng				
VII	Đóng niên lễ	Triệu đồng				
	- Đóng niên lễ ILO					
	- Đóng niên lễ thi tay nghề thế giới					
	- Niên lễ các tổ chức quốc tế khác					
VIII	Mua sắm, sửa chữa	Triệu đồng				
1	Mua sắm,	-				
	- Mua ô tô	-				
	- Các tài sản cố định khác	-				
2	Sửa chữa lớn TSCĐ	-				
	(Chi tiết theo nội dung)					